

# Dân ca trong dòng chảy văn hóa và phát triển con người Việt Nam

## Folk songs in the current of Vietnamese culture and human development

Nguyễn Việt Đức<sup>a\*</sup>

Nguyen Viet Duc<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>*Khoa Mỹ thuật ứng dụng, Trường Công nghệ và Kỹ thuật, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam*

<sup>a</sup>*Faculty of Applied Art, School of Engineering and Technology, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Viet Nam*

(Ngày nhận bài: 01/04/2025, ngày phản biện xong: 15/04/2025, ngày chấp nhận đăng: 30/05/2025)

### Tóm tắt

Dân ca, một bộ phận cấu thành quan trọng trong tổng thể nền âm nhạc dân tộc cổ truyền Việt Nam suốt mấy ngàn năm lịch sử. Ra đời sớm nhất và có vị trí quan trọng nhất cho sự hình thành và phát triển các hình thức, thể loại dân ca, dân nhạc, của các cư dân trên đất nước ta. Thông qua phân tích các đặc điểm âm nhạc như: nhịp điệu, âm điệu, tiết tấu, hòa âm, thể loại, hình thức; các đặc điểm văn học gắn với cuộc sống lao động, sinh hoạt, nghỉ thức... nhằm làm bật lên vai trò, vị trí, chức năng của dân ca trong sự phát triển của văn hóa làng, xã, phum, sóc, bản, mường... Sự ảnh hưởng có hệ thống của các thể loại dân ca gắn với vòng đời người, góp phần tạo dựng, hình thành nhân cách, bản lĩnh, trí tuệ và ứng xử văn hóa của con người Việt Nam. Nhất là trong thời đại công nghệ, số hóa, toàn cầu hóa hiện nay.

*Từ khóa:* Dân ca; dòng chảy văn hóa; Việt Nam.

### Abstract

Folk songs are an important component of traditional Vietnamese music throughout thousands of years of history. They are among the earliest forms and have the most important position in the formation and development of forms and genres of folk songs and folk music of the residents in our country. By analyzing musical characteristics such as rhythm, tone, tempo, harmony, genre, form; along with literary characteristics associated with working life, activities, rituals, etc., this study highlights the role, position, and function of folk songs in the development of the culture of villages, communes, phum, soc, ban, and muong. Folk songs have a systematic influence on genres associated with human life cycle, contributing to the creation, formation of personality, bravery, intelligence and cultural behavior of Vietnamese people, especially in the current era of technology, digitalization, and globalization.

*Keywords:* Folk songs; cultural current; Viet Nam.

### Đặt vấn đề

Dân ca, một bộ phận cấu thành quan trọng phản ánh sự tồn tại, phát triển của con người Việt Nam trải qua mấy ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Dân ca không chỉ lưu giữ những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, trong văn hóa ứng xử, trong tình yêu gia đình,

tình yêu đôi lứa... mà còn phản ánh mọi trạng huống, tâm tư, tình cảm của con người dưới mọi sắc độ và hoàn cảnh khác nhau trong đời sống xã hội. Việt Nam với kho tàng đồ sộ về âm nhạc dân gian (dân ca, dân nhạc, dân vũ), khẳng định bản sắc văn hóa của mỗi tộc người cùng chung sống và tồn tại lâu đời trên đất nước ta. Những

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Việt Đức

Email: vietducms@gmail.com

giá trị quý giá của nền âm nhạc dân gian được sáng tạo nên bởi nhân dân lao động và các nghệ nhân dân gian, thực sự là những hạt ngọc quý trong vườn hoa nghệ thuật Việt Nam cần được nhiều công trình nghiên cứu, tìm hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau, nhằm bảo tồn, phát huy và vận dụng những giá trị của âm nhạc dân gian vào đời sống hiện đại hôm nay để tiếp nối dòng chảy văn hóa nghệ thuật truyền thống gắn với sự phát triển con người mới Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong khuôn khổ bài viết nhỏ này, chúng tôi chỉ xin đi vào một vài khía cạnh dân ca của các tộc người trên đất nước ta, nhằm phản ánh tính thẩm thấu của dân ca trong dòng chảy văn hóa gắn với sự phát triển con người Việt Nam.

## 1. Đặc điểm âm nhạc trong dân ca người Việt

### 1.1. Về nhịp điệu

Có thể nói yếu tố đầu tiên mà con người nhận thức được, đó chính là nhịp điệu. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về dân ca Việt Nam đều cho kết quả chứng minh nhịp điệu trong dân ca lao động gắn bó hữu cơ và kích thích sự phối hợp với động tác của con người và thiên nhiên một cách nhịp nhàng như: “nhịp tim đập, nhịp tay đưa, nhịp bước chân đi, tiếng lá cây chuyển động, tiếng mưa rơi...” [2], tất cả những nhịp điệu ấy đều được con người sớm cảm nhận và đưa vào trong nghệ thuật dân gian. Vì vậy, nhịp điệu trong dân ca giữ một vị trí rất quan trọng trong sáng tạo và biểu diễn dân gian. Trải qua

diễn trình phát triển hàng ngàn năm, người Việt đã định hình nên một nền dân ca, dân nhạc phong phú, đa dạng về thể loại, màu sắc, đặc biệt là các loại hình tiết tấu từ đơn giản thô sơ đến niêm luật chặt chẽ và phức tạp, phản ánh các sắc thái tình cảm trong sinh hoạt, lao động và các ứng biến văn hóa trong đời sống làng, xã đặc trưng của Việt Nam. Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua những bài dân ca cụ thể ở các vùng miền khác nhau qua những tiết tấu từ đơn giản đến phức tạp, như:

- Những bài dân ca có nhịp điệu đơn giản, nhanh, chậm, dài ngắn, tự do, ngâm ngợi và ít nhiều còn phụ thuộc vào ngôn ngữ, lời thơ, đó là hát Ví, hát Sa mạc, hát Nói, hát Ngâm, hò Huế, hò Đồng Tháp, hát Ru em...

- Một số bài dân ca dùng hai loại nhịp điệu, mở đầu nhịp điệu ngâm ngợi, tự do sau đó mới nối tiếp vào đoạn nhạc có nhịp điệu và khuôn nhịp rõ ràng, đó là các bài Quan Họ: *Con cưa, Chén son để cạnh mạn thuyền, Mặt trời đã xế về tây, Gió mát trăng thanh, Đôi tay nâng lấy cơi trầu...*

- Nhịp 2 là loại nhịp cơ bản nhất trong dân ca Việt Nam (2/2; 2/4; 2/8), gần gũi với nhịp điệu lao động và nhịp sinh học của con người, tuy giá trị trường độ mỗi nhịp, mỗi phách ngang nhau, nhưng với tiết tấu đa dạng đã tạo nên các màu sắc khác nhau, phản ánh những tình cảm khác nhau trong đời sống, tạo nên cảm giác mới mẻ cho người nghe.

Ví dụ 1: *Bài Trống Quân (trích)*

**Trống Quân**  
(Trích)

Sưu tầm, ghi âm: Ngọc Oánh

*Moderato*

Đất thấp ông\_ giới\_ cao ở\_ đây đất thấp ông\_ giới\_ cao ngon đèn sáng tỏ hơn sao\_ trên\_ giới\_

Do sự phong phú về tiết tấu, kết hợp với cao độ, tốc độ, sắc thái, âm vực... một số bài dân ca ở nhịp 2 vẫn thể hiện được tình cảm duyên dáng, tế nhị, như các bài: *Cây trúc xinh*, *Ba mươi sáu thứ chim*, *Lý giao duyên* (dân ca Trung Du) [3].

#### Ví dụ 2: *Hò Hụi* (trích)

**Hò hụi**  
(trích dân ca khu 5)

*Moderato*

Hu là khoan là hu la khoan a la khoan hò khoan là hu là khoan

- Nhịp 4/4 là loại nhịp gần với sinh lý cơ thể con người và sự vận động của cảnh vật thiên nhiên và nhịp điệu lao động. Nhiều bài dân ca được ghi lại ở nhịp điệu này, như các bài: *Lý tang tít* (dân ca Khu 5); *Lý vải chài*; *Xẩm Huế*; *Dậy đi thôi em ơi*, *Ru con* (dân ca Tây Nguyên)...

Theo nhà nghiên cứu Tú Ngọc trong tài liệu *Dân ca người Việt* có nêu “các nghệ sĩ dân gian tiền bối còn sáng tạo ra loại nhịp 3, kéo dài thời gian của phách nhẹ trong mỗi ô nhịp” [3], tạo nên sự không cân đối của phách mạnh, phách nhẹ trong mỗi nhịp, tạo một cảm giác mới mẻ, vui tươi, nhẹ nhàng, đung đưa, thanh thoát, như các bài: *Hát đúm* (dân ca đồng bằng Bắc Bộ);

Bên cạnh đó là những tình cảm chắc, khỏe, phù hợp với động tác và nhịp điệu lao động, như các bài: *Hò Hụi*, *hò Giã vôi* (dân ca Nam Trung Bộ), *Hò Đô ta* (dân ca đồng bằng Bắc Bộ).

*Đi cấy, Hát chúc* (dân ca Trung du); *Đón dâu* (dân ca H'Mông).

Do sự đòi hỏi và phát triển của nhu cầu thưởng thức, các nghệ nhân dân gian còn sáng tạo từ nhịp 3 thành nhịp 6 (6/2; 6/4; 6/8...). Do đó, nhịp 6 trở thành biến dạng của nhịp 4 (tức là kéo dài phách 2 và phách 4 của nhịp 4 thành 2 phách nhẹ của nhịp 6), đây là sự pha trộn, phối hợp tài tình giữa nhịp 3 và nhịp 4, tạo nên cảm giác man mác, đung đưa, nhẹ nhàng, như các bài: *Hát ví* (dân ca Mường); *Cấy mạ* (dân ca Phù Lá); *Phình tạo au mét hay na* (dân ca Thái); *Chàng trai và cô gái* (dân ca Hơ'rê); *Tiến biệt em* (dân ca H'Mông)...

#### Ví dụ 3: “*Hát Ví*” (trích: Dân ca Mường)

**Hát Ví**  
(trích dân ca Mường Hòa Bình)

*Moderato*

Sưu tầm ghi âm: Tô Ngọc Thanh

Kim vang đạo ngài ai ơi nhớ ngày năm tới là đây mình về đi xa phải nhớ đến quê tình ai nhớ thăm lòng

- Ngoài những nhịp thường dùng (nhịp 2, 3, 4, 6), dân ca người Việt, nhất là trong dân ca các dân tộc thiểu số còn dùng những loại nhịp phức tạp, như ở các bài: *Khổng Mí Nhũa* (dân ca

H' Mông); *Xuân Thâng* (dân ca Tày); *Khấp sài peng* (dân ca Thái)...

Một loại nhịp cũng khá đặc biệt, đó là nhịp trường canh (còn gọi là nhịp 1). Loại nhịp này

có tính chất khản trương, khỏe khoắn, ngày nay còn thấy được ở một số bài dân ca như: *Hò giã gạo* (dân ca Trị- Thiên); *Lý kéo chài*, *Lý con mèo* (dân ca Nam Bộ); *Đúm xếp* (dân ca đồng bằng Bắc Bộ) [2].

Bên cạnh đó, các hình nhịp điệu khác nhau và phong phú cũng tạo nên nhiều sắc thái tình cảm khác nhau, ngoài ra là tác dụng của đảo phách (syncope) và nghịch phách (contre - temps) góp phần tạo ra những cảm giác mới, nhất là khi phách đảo được dùng liên tục trong một câu nhạc hay một đoạn nhạc.

Ví dụ 4: *Lý giao duyên* (dân ca Phú Thọ)

**Lý giao duyên**  
(trích dân ca Phú Thọ)

Lý mấy câu kéo sầu trong dạ kẻ sầu trong dạ như ta với a

## 1.2. Về âm điệu

Âm điệu giữ vai trò chủ chốt trong việc thể hiện các sắc thái tình cảm của con người như: hỉ (vui mừng), nộ (tức giận), ai (buồn rầu), lạc (thỏa thích), ái (yêu thương), ó (căm ghét), dục (ước muốn). Âm điệu trong dân ca đa số bắt nguồn từ ngôn ngữ, nhưng mức độ có khác nhau, ngôn ngữ phải “chưng cất” lên rất nhiều lần, trải qua nhiều thời đại, nhiều thế hệ nghệ nhân dân gian kinh qua lao động sản xuất mà sáng tạo nên để trở thành âm nhạc. Âm điệu trong dân ca cũng được phát triển từ đơn giản đến đa dạng, được chia thành các nhóm lớn như sau:

Nhóm 1: Gồm những âm điệu tương đối ổn định nhưng còn phụ thuộc vào ca từ của lời ca, âm điệu mang tính hát nói, ngâm ngợi, nhịp điệu thường tự do, như các bài: *Hát nói trong hát Xoan* (dân ca Phú Thọ); *Hát ví trong hát Ghẹo* (dân ca Phú Thọ); *Hát ví* (dân ca đồng bằng Bắc Bộ); *Hát ngâm trong Hát xoan* (dân ca Phú Thọ); *Ví sống* (dân ca Trung Du)...

Nhóm 2: Gồm những âm điệu đã định hình, nhưng một phần còn phụ thuộc vào các dấu của thanh điệu hoặc ngôn ngữ dân tộc và ngữ điệu địa phương, cấu tứ còn phụ thuộc vào thể thơ, ca dao. Ở dạng này âm nhạc và lời ca phụ thuộc lẫn nhau, gắn bó khá lâu bền, như các bài: *Cò lả*,

*Trống quân*, *Phường vãi*, *Hò dô ta*, *Hò hụi*, *Hò lơ*... Ngoài ra người ta còn dùng thể thơ song thất lục bát để hát với các điệu: Hò xay lúa, Hò giã gạo, Hò khoan Lệ Thủy, Hò Mái nhì, Hò mái đẩy... Ở nhóm 2 này, âm điệu không còn tính chất hát nói, ngâm ngợi mà đã phát triển ở mức độ cao hơn, hình tượng âm nhạc đã phong phú, đa dạng hơn nhưng vẫn giữ mối quan hệ mật thiết với lời ca bằng thơ, ca dao với âm điệu bài hát. Chẳng hạn như:

+ Dùng tiếng đệm, tiếng đưa hoi, tiếng láy lại, ví dụ như:

- Ru con Bắc Bộ “à á a à ời”

- Ru con Nam Bộ “ơ ầu ơ...ơ ở ơ”

- Điệu Hò Xay lúa có tiếng đệm “là hô” đệm vào giữa câu

- Điệu Hò Giã gạo có tiếng đệm “Hò hơ hơ”

+ Có những tiếng đệm được sáng tạo thành hình tượng nghệ thuật, ví dụ như bài *Cò lả* (dân ca đồng bằng Bắc Bộ):

- Có tiếng điệp lại theo qui luật (tiếng thứ 2, thứ 4 của câu 6 và tiếng thứ 2, thứ 6 của câu 8 trong câu ca dao 6/8) thành đoạn I của bài *Cò lả*:

“Con cò cò bay lả ơ ơ bay la

Bay từ từ chợ phủ bay ra ra cánh đồng”.

Sang đoạn 2, tiếng đệm cũng theo thủ pháp điệp lại, nhưng nhắc từng cụm 3 tiếng đệm có sự phát triển:

“Tình tính tang, tang tính tình  
 Cô mình rằng, cô mình ơi  
 Rằng có nhớ, nhớ ta chẳng  
 Rằng có nhớ, nhớ ta chẳng”.

+ Nhịp điệu nhiều bài ở nhóm này đã phát triển cao hơn, phong phú hơn từ những nhịp thường dùng: 2/4; 2/8; 4/4; 4/8 cho đến các loại nhịp 3 như: 3/4; 3/8; 6/8; 9/8 hoặc các loại nhịp phối hợp như: 2/4 với 3/4; 6/8 với 9/8.

Nhóm 3: Gồm những bài có âm điệu cố định, nhịp điệu, tiết tấu rõ ràng, lấy thẩm mỹ âm nhạc làm thước đo cao nhất, buộc lời ca phải phục tùng luật thanh điệu và thanh âm của ngôn từ phải phụ thuộc vào độ cao thấp của giai điệu, chẳng hạn như các bài: *Xe chỉ luôn kim* (trong Hát Xoan dân ca Phú Thọ); *Gửi thư, Qua cầu gió bay* (dân ca Quan họ Bắc Ninh).

### 1.3. Về hòa âm

Ngày nay các nhạc viện và học viện âm nhạc trong cả nước đã đưa vào giảng dạy chuyên đề Hòa âm dân tộc cho các học viên cao học chuyên ngành sáng tác, chỉ huy, âm nhạc học mà khởi điểm bắt nguồn của môn học này là từ dân ca, dân nhạc dân tộc cổ truyền. Khi nghiên cứu về dân ca, dân nhạc người Việt, các lối tiến hành hòa âm thường gặp trong hòa tấu là các quãng [4đ, 5đ, 8đ, quãng 2T, quãng 7t]<sup>1</sup>, chồng quãng 4, quãng 5, quãng 8; trong các bài dân ca thường gặp các kiểu kết hợp hòa âm quãng [2T, quãng 4đ, 5đ, 3T, 6T, 3t, 7t...] như các bài “Hò xuôi dòng”, “Hò đường trường” (dân ca Thanh Hóa). Một số tộc người ở vùng núi phía Bắc có một số bài dân ca sử dụng hòa âm 2 bè, như: Điệu Sli-bốc của người Nùng ở (Phản Sìn, Lạng Sơn); điệu Hà Lều ở (Quảng Uyên, Cao Bằng). Ở Tây Nguyên có một số bài dân ca dùng hòa âm nền

(trì tục) suốt từ đầu đến cuối bài, tạo được hình tượng trầm hùng của núi rừng.

Nhìn chung các thủ pháp hòa âm trong dân ca người Việt mang được bản sắc đặc trưng của mỗi tộc người, không phức tạp, phù hợp với tâm sinh lý và tư duy âm nhạc chủ điệu với ngôn ngữ đơn âm, đa thanh vốn có từ trong máu thịt từ hàng ngàn năm của lịch sử dân tộc. Hòa âm trong dân ca người Việt ngày nay được các nhạc sĩ nghiên cứu, vận dụng khá phổ biến trong các tác phẩm âm nhạc hiện đại (cả thanh nhạc và khí nhạc).

### 1.4. Về thể loại và khúc thức

#### 1.4.1. Về thể loại

Như chúng tôi đã trình bày ở phần mở đầu, dân ca Việt Nam là một kho tàng tổng hợp những giá trị về nhiều mặt của đời sống xã hội của các cư dân trên đất nước ta theo chiều dài lịch sử hàng ngàn năm. Vì vậy, có thể chia dân ca Việt Nam thành các thể loại chủ yếu sau:

- (1). Những bài hát lao động
- (2). Những bài hát lễ nghi - phong tục
- (3). Những bài hát giao duyên
- (4). Những bài hát sinh hoạt gia đình và các sinh hoạt khác
- (5). Những bài hát đồng dao (bài hát trẻ em)

Đi theo các thể loại này là hàng trăm bài dân ca tương ứng, được sáng tạo với nhiều loại nhịp, nhiều màu sắc tiết tấu và cấu trúc giai điệu gắn với công việc lao động, sinh hoạt, lễ nghi, vui chơi giải trí... phục vụ và phản ánh cuộc sống của các cư dân trên đất nước ta.

#### 1.4.2. Về khúc thức

Khúc thức là cách diễn đạt và bố trí chất liệu âm thanh, trong mỗi làn điệu, mỗi điệu hát cùng diễn đạt một nội dung đề tài trong dân ca. Sau khi xem xét, phân tích các yếu tố như: Điều kiện xã hội, môi trường diễn xướng, sự tác động của các bộ môn nghệ thuật khác như: Thơ ca, nhảy

<sup>1</sup> [đ = quãng đúng; T = quãng trưởng; t = quãng thứ]

múa, kịch hóa... dần hình thành nên khúc thức dân ca người Việt dựa vào các đặc điểm sau:

(1). Vai trò cấu tạo khúc thức của lời ca trong dân ca

(2). Những khúc thức nguyên sơ (đoạn ngâm tự do, đoạn ngâm đơn giản, đoạn chu kỳ...).

(3). Những khúc thức cơ sở (các kiểu đoạn đơn, hai đoạn, ba đoạn, cấu trúc kiểu Rondo).

(4). Những khúc thức kiểu liên hoàn (kiểu liên khúc).

Tất cả các đặc điểm này đều có mặt trong dân ca người Việt, góp phần tạo nên các dị bản khi ảnh hưởng qua mỗi vùng miền khác nhau, kết hợp với thể loại, lời ca, nhịp điệu tiết tấu, âm điệu, hòa âm, các tiếng đệm, dàn nhạc đệm... tạo nên những giá trị vĩnh hằng về hệ thống bài bản, môi trường diễn xướng, cách diễn xướng, trang phục, đạo cụ, một phức hợp tổng thể đa sắc, phong phú và hài hòa.

## 2. Đặc điểm văn học

### 2.1. Về ca từ trong dân ca

Như đã nói ở trên, tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, đa thanh. Khi phát lên mỗi vần là một âm điệu khác nhau, ý nghĩa của từ do đó mà thay đổi. Tiếng Việt hiện nay gồm 6 thanh (6 âm điệu): “bằng, sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng”, được chia thành ba nhóm:

- Nhóm âm điệu cao: “dấu sắc, dấu ngã”
- Nhóm âm điệu trung gian: “dấu bằng”
- Nhóm âm điệu thấp: “dấu huyền, dấu hỏi”

Từ những đặc điểm thanh điệu này khi phát triển qua mỗi địa phương, vùng miền lại có sự biến hóa khác nhau trong ca dao, dân ca như: dấu sắc thành dấu nặng; dấu hỏi thành dấu ngã; ở vùng Trị - Thiên. “Dấu hỏi thành dấu sắc; dấu nặng hạ xuống rồi vượt lên” trong dân ca Nam Bộ... dần dần hình thành các kiểu hát dân ca như: Nói lới; hát nói; kể; ngâm; ca; hát; hô; xướng... Các kiểu giai điệu này được hình thành gắn chặt với cơ sở ngữ âm tiếng Việt và các hình

thức thơ ca dân gian và bác học. Vì vậy ca từ trong dân ca là những giá trị tổng hợp của nhiều địa phương trong cả nước, đều có những nét chung và nét riêng đặc thù của mỗi tộc người, mỗi địa phương, đặc biệt là âm điệu tiếng nói, yếu tố tạo nên địa phương tính rõ nét nhất trong dân ca người Việt. Cụ thể ca từ trong dân ca được phản ánh chi tiết trong các thể loại và khúc thức.

Một điểm đáng lưu ý, theo GS. Tô Vũ: “đại bộ phận các bài dân ca Việt Nam lời ca khác với phần văn học” [4].

Ví dụ 5: Câu thơ 6/8 trong bài Lý hoài nam (dân ca Trị - Thiên)

“Chiều chiều dất mẹ qua đèo

Chim kêu bên nớ vượn trèo bên nớ”.

Bằng cách nhắc lại, điệp từ, dùng hư từ và một vài thủ pháp phát triển giai điệu thành bài dân ca hoàn chỉnh nói về tâm sự thầm kín và thân phận về tình yêu của người phụ nữ thời phong kiến. Tương tự như vậy, bài “Qua cầu gió bay” trong Quan họ Bắc Ninh (Yêu nhau cởi áo cho nhau/ Về nhà dỗi mẹ qua cầu gió bay)...

Các thủ pháp dùng ca từ kết hợp với hình tượng âm nhạc đã tạo nên những bức tranh giai điệu nhiều màu sắc trong dân ca có giá trị đến ngày nay thông qua các thể loại dân ca. Đặc biệt là các thể thơ dân gian truyền thống, như “thể thơ 4 chữ; thể thơ 7 chữ; thể thơ 6/8; thể song thất lục bát” kết hợp cùng với các thủ pháp phát triển giai điệu đã tạo nên hàng trăm bài dân ca đặc sắc, đủ các thể loại trên các vùng miền dân ca trong cả nước.

Một điểm đáng lưu ý, theo GS. Tô Vũ: “đại bộ phận các bài dân ca Việt Nam lời ca khác với phần văn học” [4].

Ví dụ 6: Bài “Cây trúc xinh” (Dân ca Quan họ Bắc Ninh)

**Lời ca:** *Cây trúc xinh tang tình là cây trúc mọc*

*Qua lối nọ như bờ ao*

*Chị hai xinh tang tình là chị hai đứng*

*Đứng nơi nào qua lối như cùng xinh*

*Đứng, đứng nơi nào qua lối như cũng xinh.*

**Văn học:** Trúc xinh trúc mọc bờ ao

*Chị (hai) xinh chị đứng nơi nào cũng xinh* [4].

## 2.2. Tính thẩm mỹ của ca từ trong dân ca

Để tìm hiểu tính thẩm mỹ của ca từ trong dân ca một cách thấu đáo, trước hết chúng ta hãy tìm hiểu về hình tượng văn học trong dân ca. Qua nghiên cứu các bài dân ca, một đặc điểm nổi bật, dễ thấy là ca từ giàu hình tượng, gợi lên những suy nghĩ, tình cảm mà người ta muốn đề cập đến.

Ví dụ 7:

*Trông người, người vẫn làm ngơ*

*Trông sao, sao mờ, em biết trông ai?*

(Trích bài Ra đứng bờ ao, Quan họ Bắc Ninh)

Câu ca thể hiện sự mong đợi tình yêu không được đáp lại, nhưng ca từ rất hình ảnh, buồn mà không bi lụy. Tính giàu hình tượng còn được thể hiện sinh động ở các thể thơ truyền thống sau đây:

Ví dụ 8:

*Hồi cô tát nước bên đàng*

*Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*

(Trích Hát Ví đồng bằng và Trung du Bắc Bộ)

Hoặc những hình tượng vừa sâu đậm và lãng mạn:

*Bóng trắng em ngơ bóng đèn*

*Bóng nước em ngơ bóng thuyền anh xuôi*

*Thuyền ngược em bỏ sào xuôi*

*Khúc sông bỏ vắng cho người sầu riêng.*

(Trích theo điệu Ví đò đưa, dân ca Thanh Hóa)

Hoặc cách nói ví von tế nhị kiểu như lối ẩn dụ, dùng khách thể đóng vai trò chủ thể trong nội dung câu hát:

*- Gặp đây mặt mới hỏi đào*

*Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?*

*- Mặt hỏi thì đào xin thưa*

*Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

(Trích Hát Ví đồng ruộng, đồng bằng sông Hồng)

Dân ca trữ tình thường có nội dung gửi gắm, nhắn nhủ tới một đối tượng nào đó, như:

*Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang*

*Bao nhiêu tác đất, tác vàng bấy nhiêu*

(Trích theo điệu Sa mạc)

Nhạc sĩ Phạm Phúc Minh có nhận định: “*Những con cò, con vạc, con cá, con cua hoặc những con ong, con tằm, con tôm, con bống... rất quen thuộc với người nông dân. Thường được dùng để nói lên tâm tư của mình trong quan hệ với thiên nhiên và xã hội*” [2].

Một ví dụ khác nữa trong dân ca miền Trung thường gặp là cặp xưng hô: thiếp chàng, loan phượng:

*Thiếp thương chàng keo sơn vạn đại*

*Chàng thương thiếp dầu dãi nắng mưa*

*Mặc lòng thiếp lựa cho vừa*

*Nơi mô duyên đẹp, tình ưa thiếp tìm*

(Trích điệu Hò mái nhì, dân ca Trữ - Thiên)

Đặc biệt, những từ tượng thanh không những kết hợp với âm nhạc phản ánh sinh động hiện thực phong phú của thiên nhiên và xã hội, mà còn góp phần làm tăng thêm tính thẩm mỹ của ca từ và vẻ đẹp của giai điệu và tiết tấu bài dân ca cổ truyền như:

*- U xáng u xáng u cái liu xê phàn...* (Xe chỉ luân kim - Quan họ Bắc Ninh).

*- Tình tính tang, tang tính tình* (trong điệu Cò lả)

Hoặc: *Tàng tích tang non nang, tích tàng tàng...* (Lý tang tít - dân ca Khu 5)

Hoặc gợi lên âm thanh của bộ gõ:

*Ru ục cắc ru ục tang huê huê thùng* (Hò Bến Tre - dân ca Nam Bộ).

Theo Phạm Phúc Minh, “*Những từ tượng thanh như: Dô ta, dô khoan, dô huây, hò khoan... thường gặp trong các bài dân ca lao động tập thể, có sự phối hợp nhịp nhàng của các động tác của từng công việc, từng ngành...*” [2].

Những ví dụ phân tích trên cho chúng ta thấy các nghệ nhân dân gian thông qua lao động sản xuất và ứng biến văn hóa đã rất chú trọng đến vẻ đẹp của ca từ và tính văn học trong dân ca, lối nói giàu hình tượng, hình ảnh với cách ví von, ẩn dụ... cũng như thủ pháp dùng hư từ và các từ tượng thanh đa dạng, gần gũi với đời sống thường nhật của người dân, đã để lại một kho tàng thẩm mỹ dân tộc quý giá thông qua vị trí của dân ca của các tộc người trên đất nước ta.

### 3. Dân ca với chức năng phản ánh sự phát triển của văn hóa làng, xã

Các nhà nghiên cứu Âm nhạc học và Âm nhạc Dân tộc học khi chia các loại hình dân ca của các tộc người trên đất nước ta đều dựa vào yếu tố chính là cộng đồng làng, xóm, thôn, bản, phum,

sóc... vì đó là nơi định hình bản sắc dân ca, dân nhạc của mỗi tộc người, là nơi phản ánh phong tục, tập quán, lễ nghi, tín ngưỡng... của mỗi cộng đồng người. Vì vậy, dân ca được chia thành nhiều thể loại.

#### 3.1. Dân ca lao động

*Thể loại dân ca này gồm nhiều nhóm.*

a. Nhóm dân ca lao động trên đất liền: các bài hát khi làm ruộng, trồng dâu, chăn tằm, dệt vải, xay lúa, giã gạo, kéo gỗ...

Ví dụ 9: Bài “Cò lả”

b. Nhóm dân ca lao động trên sông nước: các bài về thuyền bè, chài lưới trên sông, biển, đi câu, đơm đố, bắt cua, bắt ốc...

#### 3.2. Dân ca phong tục tập quán

*Thể loại dân ca này gồm nhiều nhóm.*

a. Nhóm bài hát giao duyên gồm: Hát Trống quân, các loại hát Ví, hát Ghẹo, hát Đúm, hát Rang (dân tộc Mường), hát Lượng, Sli (Tày, Nùng), hát Khắp (Thái), hát Pook (Tây Nguyên).

Ví dụ 10: Bài *Lý con sáo Gò Công*

**Lý con Sáo Gò Công**

55 *Vừa phải- êm đềm* *Sưu tầm: Văn Lưu; ghi âm Trần Kiệt Tường*

Ai đem con Sáo mà sang sông làm cái ly ta... hỏi con sáo ơi nàng ơi xuân tú

65

xuân ở ta tú hỏi đôi hương nhan phấp phồng lá... gan

b. Nhóm bài hát kết nghĩa gồm: hát Quan họ (Bắc Ninh), hát Ghẹo, hát Xoan (Phú Thọ).

c. Nhóm bài hát chúc tụng gồm: Bài hát mừng xuân, chúc tết (Kinh, Mường, Nùng, Xá), chúc cô dâu, chú rể, bài hát đón dâu, nghi lễ đám cưới, chúc rượu, mời rượu...

#### 3.3. Dân ca tín ngưỡng “gồm”

a. Những bài hát khi gia đình có người ốm đau, như (*hát Thu vía “Tày”, hát Mo, Mời “Mường”, Khắp sên “Thái”, hát Vần “Kinh”...*) [5].

b. Những bài hát tang lễ của các tộc người: Giang, Xá, Dao, Gia Rai, Kinh... [5].

Ví dụ 11: Bài *Đi thăm mả*

**Đi thăm mả**  
(Dân ca Gia Rai)

Ghi âm, phỏng dịch lời: Lê Toàn Hùng- Lê Huy

74 Nhịp vừa- vui

Ở bạn ơi có nghe tiếng chiêng rộn ràng nắng xuân tươi đón mời bạn cùng vào làng chết không

91

tiếc đi ngay cùng vào rừng ở bạn... ơi đến vui say... rượu cần thấy hàng

97

năm xuân vui chỉ... một lần vui có... vui nào hơn... đón mời bạn cùng vào rừng

c. Những bài hát thỉnh cầu dùng trong các lễ Hạ điền, Thượng điền, cầu mưa, cầu được mùa, lễ cơm mới, những bài văn dâng hoa...

### 3.4. Dân ca lịch sử

gồm: *Hát Chèo chải* (Thanh Hóa), *hát Dậm* (Hà Nam), *hát Ải lao* (Bắc Ninh)... [5].

Ví dụ 12: “Trồng cây chuối hột bờ ao”

**Trồng cây chuối hột bờ ao**

Sưu tầm, ghi âm: Hữu Thu

02 Nhanh vừa - ví von, duyên dáng

Trồng cây chuối hột ư ao bờ\_ ao\_ tàu\_ thấp ư\_ làm bóng mát ư ư\_ tàu

02

cao tàu cao ư a che dù\_ này\_ lấy\_ ư anh lấy anh

09

chẳng đáng\_ đang a á à\_ chông ru à\_ ru\_ à\_ chông ru

Một số ví dụ nêu trên minh chứng cho sự ảnh hưởng của dân ca trong hầu hết các mặt của đời sống xã hội, đây là chưa tính đến vòng đời của mỗi phận người đều gắn bó chặt chẽ với dân ca, dân nhạc, từ khi còn nằm trong bụng mẹ, đến tuổi thơ, tuổi trưởng thành, các sinh hoạt của tuổi trung niên cho đến khi về với cát bụi... Đó chính là sức sống mãnh liệt của âm nhạc cổ truyền dân tộc góp phần khẳng định bản sắc dân tộc và định hình nhân cách của con người Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử của xã hội loài người.

### 4. Dân ca góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam

Thông qua các loại hình dân ca, một điều dễ dàng nhận thấy là đối tượng phản ánh chủ yếu của nó là con người gắn với thiên nhiên, các loại hình dân ca này trải dài theo suốt một đời người, trao truyền qua nhiều thế hệ người Việt thông qua văn hóa làng, bản, phum, sóc... từ lễ lối, phong tục, văn hóa ứng xử... từ mối quan hệ biện chứng giữa phương thức sản xuất và quan hệ sản xuất, đã từng bước khẳng định nhân cách

và bản lĩnh con người Việt Nam dưới góc nhìn lịch đại cũng như đồng đại. Có lẽ hình ảnh sinh động nhất, rõ nét nhất là làn điệu hát ru cổ xưa, khi người mẹ dỗ con ngủ là thời gian thư thái nhất sau những giây phút lam lũ, nhọc nhằn, xưa cũng như nay, đều như thế. Đến với con, một trạng thái tâm lý phổ biến xuất hiện như nghĩ về con, về chồng và nhất là chính mình... tạo ra những nhu cầu được bộc lộ, biểu hiện như nhịp vồng tre, nhịp lắt, nhịp vỗ đều đặn, những nỗi niềm ào ạt, cuộn cuộn dâng lên trong lòng người mẹ và bật lên những tiếng à ơi, ru hời, ầu ơ... tiếp đến là những lời ca mong ước tương lai của con mình, những tâm sự khi nhớ chồng và những giải bày tâm sự ... đã vô tình gieo vào trí nhớ trẻ thơ những bài học đầu tiên về ước mơ, khát vọng, về lối sống và nhân cách làm người. Tương tự như vậy, mỗi độ tuổi lớn lên lại tương thích với mỗi loại hình dân ca phù hợp với tâm sinh lý và độ tuổi, để rồi lại tiếp tục được bồi đắp vốn sống cũng như văn hóa và kinh nghiệm lao động sản xuất, dần khẳng định nên nhân cách của mỗi chủ thể người trong cộng đồng làng, bản, thôn, xóm trong suốt hành trình mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt.

## 5. Kết luận

Dân ca không chỉ là bản sắc văn hóa mà còn là địa chỉ sinh tồn của mỗi tộc người được phản

ánh qua tuyến giai điệu, cao độ, tiết tấu của âm nhạc và ca từ (phần văn học) trong mỗi bài dân ca được chắt lọc, “chiết xuất” từ những giá trị, kinh nghiệm, phong tục, tập quán, về nhân cách sống, bản lĩnh sống, phẩm giá đạo đức và trí tuệ... nhằm mục đích giáo dục con người từ khi mới chào đời cho đến khi về với cát bụi. Nói cách khác, “dân ca cổ truyền dân tộc góp phần đưa tâm hồn con người đạt đến những giá trị Chân - Thiện - Mỹ một cách hiệu quả nhất, bền vững nhất” [1]. Qua hàng ngàn năm Bắc thuộc nhưng các thể lực phong kiến phương Bắc không thể đồng hóa được dân tộc ta chính là nhờ bản sắc văn hóa làng mà cốt lõi của nó chính là các loại hình dân ca gắn với lễ hội, với sân đình, bến nước, cây đa.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Á, D. V. (1994). *Âm nhạc - Lý luận và cây đời*. Hà Nội: Nxb Âm nhạc.
- [2] Minh, P. P. (1994). *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Âm nhạc.
- [3] Ngọc, T. (1994). *Dân ca người Việt*. Hà Nội: Nxb Âm nhạc.
- [4] Vũ, T. (1996). *Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Âm nhạc.
- [5] Liêm, N. T. M. (Chủ biên); Quyên, L. T. (2019). *Giáo trình Lịch sử âm nhạc Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.